

Số: 103 /TNMT-BVMT  
V/v thông báo kết quả thẩm định  
báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bắc Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Công ty cổ phần phát triển công nghệ nông thôn

Thực hiện Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu liên hợp trang trại chăn nuôi, chế biến lợn chất lượng cao” tại Đồng Chòi, xã Long Sơn, huyện Sơn Động do Công ty cổ phần phát triển công nghệ nông thôn làm chủ đầu tư;

Ngày 09/01/2019, Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM tổ chức hội nghị thẩm định báo cáo ĐTM của dự án nêu trên. Tại hội nghị Hội đồng kết luận thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

Căn cứ biên bản thẩm định báo cáo ĐTM đối với dự án “Khu liên hợp trang trại chăn nuôi, chế biến lợn chất lượng cao”, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án với các nội dung sau:

#### **1. Các nội dung cần chỉnh sửa**

- Làm rõ lý, đưa ra cơ sở lập lại báo cáo ĐTM đối với dự án.
- Báo cáo xác định làm rõ quy mô chăn nuôi làm cơ sở các định tải lượng chất thải (quy mô chăn nuôi, trong đó nêu rõ đơn vị con/năm hay con/lứa đối với 02 khu); Quy trình chăn nuôi (lợn thịt, nái, đực giống) cần làm rõ; Công trình xử lý chất thải (cơ sở tính toán thiết kế công suất công trình xử lý; thời gian lưu nước, gia cố xử lý nền đáy);
- Làm rõ quy mô điều chỉnh, tiến độ thực hiện các hạng mục công trình. Trong đó nêu rõ các nội dung đã hoàn thành, nội dung sẽ triển khai trong thời gian tới làm cơ sở cho việc thực hiện đánh giá tác động môi trường khi dự án triển khai. Cần làm rõ những công trình nào đã xây dựng, thời gian tới sẽ xây dựng những công trình nào, và chỉ các công trình đang chuẩn bị xây dựng mới có chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng, báo cáo đang lẫn lộn lấy nguồn phát thải từ quá trình xây dựng mới toàn bộ dự án.
- Làm rõ giải pháp tổ chức triển khai, đấu nối giữa các hạng mục đã và sẽ đầu tư; đặc biệt phải làm rõ giải pháp tiêu thoát nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất. Cần cụ thể hóa tiến độ thực hiện dự án cho các nội dung chưa triển khai. Mô tả rõ phương án thiết kế hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải hạn chế ảnh hưởng tới khu vực tiếp nhận (mục 4.1.1.2).
- Đối với giai đoạn thi công, xây dựng: Các đánh giá trong giai đoạn này chưa dựa trên khối lượng thực hiện dự kiến dẫn tới nhận diện các vấn đề nặng về chủ quan, thiếu cơ sở khoa học. Dự báo tác động chung chung, không dựa trên đặc tính của các hoạt động sản xuất dẫn tới không chỉ ra được đối tượng chịu tác động, phạm vi và mức độ ảnh hưởng.
- Đối với giai đoạn vận hành: Dự báo tác động cần tập trung làm rõ đặc điểm phát thải, tải lượng ô nhiễm gắn với 02 khu vực nuôi. Liên quan tới nước thải cần làm rõ tổng lượng phát sinh và tải lượng ô nhiễm do các nguồn chính:

Nước vệ sinh của cán bộ, nhân viên pha chế thức ăn, thuốc, khử trùng; nước tiểu của gia súc, nước tắm cho gia súc, nước rửa chuồng trại; nước chảy tràn bề mặt.

- Tác động của nước mưa chảy tràn, nước thải thi công khu trại PS 1200 tới chất lượng nước khu vực tiếp nhận (suối Lốc). Đánh giá cân lượng hóa về nguy cơ gây suy giảm chất lượng liên quan tới phần diện tích xây dựng.

- Báo cáo thiếu sự nhất quán trong sử dụng số liệu (đầu lợn) trong tính toán phát sinh chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn), phải dựa trên số đầu lợn tối đa thực cho các khu vực nuôi để xác định thể tích nước thải, khối lượng phân thải, chất thải rắn cho 02 khu vực trang trại (tại trang 67 tổng sản phẩm: Lợn con 134.000 con/năm; Lợn thịt 4608 con/năm và bảng 3.31, bảng 3.34 trang 135 và 139 của báo cáo).

- Dự báo tác động của nước thải, chất thải rắn tới môi trường không thì thiếu định lượng, nặng về lý thuyết. Phân tích nguy cơ dẫn tới tác động không dựa trên đặc điểm tự nhiên, các đối tượng nhạy cảm trong khu vực.

- Cần cụ thể hóa giải pháp thông thoáng chuồng nuôi, biện pháp xử lý mùi, phân thải cho các nguồn phát sinh cho các chuồng nuôi thuộc 02 khu vực.

- Đánh giá hiện trạng chất lượng nước suối Lốc, làm rõ nhu cầu và mục đích sử dụng nước của suối đối với khu vực (có hoạt động sử dụng phục vụ sinh hoạt).

- Tính toán kích thước bể biogas, số lượng bể, và các thông số kỹ thuật gắn với các chuồng nuôi (đối với hệ thống biogas phù hợp cho lượng nước thải phát sinh). Một số yêu cầu đối với bể biogas cần xác định: Loại vật liệu túi biogas phải dựa trên cơ sở về điều kiện thổ nhưỡng, mực nước ngầm, tuổi thọ công trình, chi phí đầu tư; Thể tích bể phải dự trên lượng phát sinh trung bình ngày và thời gian lưu nước trong bể biogas tối thiểu 40 – 60 ngày. Cần bổ sung giải pháp xử lý nền đáy hạn chế rò rỉ đối với hệ thống túi khí Biogas.

- Làm rõ việc phát sinh nước thải của khoảng 100 công nhân (nước thải vệ sinh, tắm giặt) được xử lý ra sao; thống nhất số lượng lao động của dự án.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sau biogas: Cần cụ thể hóa công nghệ và các thông số kỹ thuật liên quan tới các hạng mục dựa trên hiệu quả xử lý nước thải đảm bảo QCVN xả thải. Khuyến cáo nên sử dụng thêm module keo tụ sau bể điều hòa nhằm giảm tải lượng ô nhiễm cho hệ thống, nâng cao hiệu quả xử lý. Việc áp dụng QCVN sau xử lý phải dựa trên yêu cầu liên quan tới mục đích sử dụng nước của suối Lốc.

- Xem lại khu I đặt hồ sinh học trước bể khử trùng có phù hợp không.

- Về vị trí dự án: Chỉ rõ mối tương quan của vị trí thực hiện dự án đối với các khu vực xung quanh. Bổ sung sơ đồ vị trí thể hiện mối liên hệ không gian của dự án đối với các khu vực lân cận. Cần chỉ rõ các đối tượng nhạy cảm trong khu vực thực hiện dự án rừng phòng hộ, nguồn nước (suối Lốc).

- Thống nhất diện tích đất tại khu I và khu II (tại trang 8 diện tích khu I là 729.538,3 m<sup>2</sup>; khu II có diện tích là 332.261,7 m<sup>2</sup>; tại trang 9 diện tích khu I là 726.800 m<sup>2</sup>; khu II có diện tích là 335.000 m<sup>2</sup>).

- Tính toán khối lượng phân phát sinh ở cả hai khu là 71 tấn/ngày nhưng báo cáo đề xuất đầu tư máy ép phân công suất là 800 kg/ngày và xây kho chứa phân với diện tích là 40 m<sup>2</sup> là chưa phù hợp.

- Làm rõ việc báo cáo ĐTM chưa đề cập đến nguồn phát thải của việc chế biến thịt lợn với công suất 1.000 tấn/năm theo dự kiến đăng ký đầu tư

- Làm rõ lượng hóa chất khử trùng chuồng trại khu chăn nuôi, hóa chất do sinh hoạt của công nhân ra đều đưa vào hệ thống xử lý – khả năng vận hành có ảnh hưởng tiêu cực.

- Đề nghị Chủ Đầu tư hoàn chỉnh các quy trình đầu tư xây dựng, triển khai xây dựng theo thiết kế và Giấy phép xây dựng, đề nghị cấp có thẩm quyền kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành.

- Báo cáo ĐTM phải ghi đúng chủ dự án là Công ty CP phát triển công nghệ nông thôn (không phải Chi nhánh Bắc Giang - Công ty CP phát triển công nghệ nông thôn như trong báo cáo) và có tổng Giám đốc ký, đóng dấu.

- Xem lại Báo cáo ĐTM nêu dự án điều chỉnh tổng vốn đầu tư từ 123.712.000.000 đồng thành 419.537.000.000 đồng là không chính xác. Dự án có mức đầu tư 653.712.000.000 đồng (Nhà đầu tư đang làm thủ tục điều chỉnh xuống còn 419.537.000.000 đồng).

- Chưa làm rõ cơ sở lập báo cáo ĐTM cho giai đoạn 1 (9600 con), vì theo mô tả trong báo cáo giai đoạn 2 đi vào hoạt động từ tháng 12/2019; chưa làm rõ diện tích các chuồng nuôi thể hiện trong báo cáo sử dụng cho công suất giai đoạn 1 hay giai đoạn 2; Chưa làm rõ cơ sở tính toán hệ thống xử lý nước thải đều 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Cam kết rõ quy mô công suất phải duy trì hoạt động chăn nuôi 1 năm không quá bao nhiêu con nái? thống nhất số lượng là 9.600 con hay 9.000 con.

## **2. Các nội dung cần bổ sung**

- Bổ sung căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành Xây dựng; theo đó, Chủ Đầu tư cập nhật các yêu cầu được quy định tại Điều 3. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của chủ dự án trong thi công xây dựng công trình; Điều 4. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng, có đề xuất giải pháp cụ thể (kết hợp với các biện pháp trình bày tại mục 4.3) để thực hiện đầy đủ các yêu cầu quy định tại các điều trên và cam kết thực hiện đúng quy định.

- Xuất xứ dự án: Bổ sung phân tích sự phù hợp của dự án đối với các quy hoạch phát triển đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (QHSD đất, QHTN nước, Quy hoạch lâm nghiệp. Bổ sung các văn bản pháp lý đã được phê duyệt liên quan tới dự án.

- Việc quản lý chuyển giao chất thải rắn (phân lợn); Biện pháp giải quyết sự cố môi trường (bổ sung các hồ sự cố cho cả 2 khu). Cơ sở pháp lý liên quan đến điều kiện chăn nuôi. Bổ sung các rủi ro liên quan tới dịch bệnh chưa được phân tích dự trên đặc thù hoạt động của ngành để có biện pháp quản lý phù hợp.

- Cụ thể hóa giải pháp dẫn dòng nước thải sau biogas, bể tự hoại về 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc dự án. Bổ sung sơ đồ thiết kế tiêu thoát.

- Bổ sung giải pháp quản lý bùn thải phát sinh từ biogas và hệ thống xử lý nước thải. Đối với hồ sinh học, yêu cầu bổ sung biện pháp gia cố nền đáy nhằm hạn chế nguy cơ ảnh hưởng tới chất lượng nước ngầm.

- Bổ sung làm rõ hiện trạng quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai thực tế.

- Báo cáo thiếu dự báo nguy cơ sự cố môi trường trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đạt chuẩn. Yêu cầu bổ sung làm rõ, trong đó phải chỉ ra được nguy cơ ảnh hưởng tới nguồn nước mặt tiếp nhận và sử dụng nước của người dân trong khu vực. Mô tả rõ vị trí điểm xả thải, thiết kế vị trí lấy mẫu thuận tiện. Lắp camera giám sát kết nối về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

Mô tả rõ giải pháp xử lý khí thải đối với lò đốt xác động vật. Nêu rõ công nghệ đốt. Đối với lò đốt xác phải bổ sung giám sát và cam kết áp dụng quy chuẩn nào.

- Bổ sung giám sát đối với chất lượng nước ngầm.

- Mục 1.4.6. Thống kê nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu cho các hạng mục dự án chưa triển khai. Bổ sung tính toán nhu cầu sử dụng nước trên tổng số đầu con trong quá trình vận hành. Tham khảo TCVN 3772:1983 về trại nuôi lợn, định mức sử dụng nước trong chăn nuôi. Bổ sung đánh giá tác động đối với việc phát sinh chất thải của khoảng 80 con lợn đực.

- Mô tả rõ dự án giáp ranh với đất rừng hoặc sử dụng một phần đất rừng, và bổ sung kết quả đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học.

- Đối với vị trí giám sát chất lượng nước thải: cần chỉ rõ vị trí là vị trí trước khi thải vào môi trường sau hệ thống xử lý. QCVN tham chiếu QCVN 62-MT/2016/BTNMT và QCVN 08-MT/2015/BTNMT. Bổ sung tọa độ của các vị trí giám sát môi trường để phục vụ cho công tác quản lý, kèm theo sơ đồ minh họa.

- Bổ sung lấy mẫu, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải tại nguồn tiếp nhận theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ. Chỉ rõ giải pháp đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

### 3. Yêu cầu chủ dự án

- Phối hợp với Sở TN&MT, Phòng chuyên môn của UBND huyện Sơn Động xác nhận lại công trình dự án trước khi trình phê duyệt báo cáo ĐTM.

- Chỉ được đưa dự án đi vào triển khai hoạt động khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM theo quy định.

- Chính sửa, bổ sung theo đúng thông báo kết quả thẩm định và theo Biên bản phiên họp hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM (gửi kèm theo); gửi báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa, bổ sung về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/02/2019 để xem xét. Hội đồng ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét nội dung chỉnh sửa, bổ sung nếu đạt yêu cầu theo các nội dung nêu trên thì Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. *Nat*

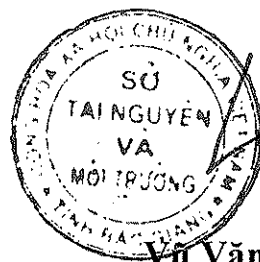
#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HS.

#### Bản điện tử:

- GDS, PGDS - PT;
- CCBVMT;
- Bộ phận TN&TKQ. *Sy*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Văn Tường**